

— Các khoản thu do kết quả công tác kiểm tra, kiểm soát chống buôn lậu (tiền, hàng tịch thu, truy thu thuế phạt hành chính...) sau khi trích thưởng theo chế độ, số còn lại dành toàn bộ cho ngân sách địa phương.

Chỉ thị này thay thế Chỉ thị 33-CT ngày 21 tháng 2 năm 1989. Trưởng ban chỉ đạo quản lý thị trường Trung ương chủ trì, đôn đốc các cơ quan chức năng của Nhà nước, hướng dẫn và có kế hoạch cụ thể thực hiện các nhiệm vụ được phân công, hàng tháng báo cáo tình hình thực hiện lên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, trở ngại mới nảy sinh phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về chủ trương, biện pháp xử lý kịp thời.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng  
*Phó Chủ tịch*  
**VÕ VĂN KIẾT**

**CHỈ THỊ của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 134-CT ngày 5-5-1990 về việc cấp đăng ký kinh doanh và thu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh rượu.**

Hiện nay, ngoài các xí nghiệp quốc doanh được Nhà nước cho phép sản xuất rượu, còn nhiều cơ sở thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh cũng sản xuất rượu nhưng không có giấy phép kinh doanh, không đăng ký chất lượng sản phẩm và không nộp thuế cho Nhà nước.

Để quản lý việc sản xuất rượu của các cơ sở kinh tế ngoài quốc doanh, để bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng, đồng thời để bảo đảm sự đóng góp công bằng và hợp lý giữa các cơ sở sản xuất kinh doanh, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chỉ thị:

1. Các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh sau đây được phép đăng ký sản xuất rượu.

a) Đã sản xuất rượu có truyền thống, được người tiêu dùng chấp nhận.

b) Những cơ sở sản xuất rượu có đủ điều kiện kỹ thuật, trình độ chuyên môn, bảo đảm chất lượng và vệ sinh thực phẩm do cơ quan đo lường tiêu chuẩn chất lượng ở địa phương xác nhận.

2. Các cơ sở chỉ được sản xuất rượu khi đã được cấp giấy phép kinh doanh. Phải chấp hành mọi quy định về quản lý sản xuất kinh doanh của Nhà nước, chịu sự kiểm tra của các cơ quan chức năng và nộp thuế đầy đủ theo luật định.

3. Giao cho Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương tổ chức việc xét và cấp đăng ký kinh doanh. Việc xét cấp đăng ký kinh doanh phải làm chặt chẽ, có tính toán tới cân đối nhu cầu tối thiểu và chỉ cấp có chọn lọc cho những nơi có nghề sản xuất rượu truyền thống, những người có tay nghề cao, không cấp tràn lan.

Tổng cục Đo lường tiêu chuẩn chất lượng tổ chức đăng ký, kiểm tra và quản lý chặt chẽ chất lượng và điều kiện sản xuất rượu.

Bộ Tài chính hướng dẫn việc mở và ghi chép sổ sách kế toán, lập hóa đơn chứng từ mua bán hàng và tổ chức thu thuế theo đúng chính sách thuế của Nhà nước.

4. Các cơ sở kinh tế ngoài quốc doanh không có giấy phép kinh doanh mà vẫn sản xuất rượu, vi phạm tiêu chuẩn chất lượng và các quy định liên quan đến điều kiện sản xuất kinh doanh, trốn thuế, lậu thuế sẽ bị xử phạt, tùy theo mức độ, kể cả hình thức truy tố trước pháp luật.

5. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu chỉ đạo các ngành có liên quan ở địa phương tổ chức thực hiện.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Các văn bản trước đây của Hội đồng Bộ trưởng trái với Chỉ thị này đều bãi bỏ.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch  
VÕ VĂN KIẾT

**QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 147-CT ngày 11-5-1990 về việc thành lập Văn phòng miền núi và dân tộc.**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG**

*Đề tăng cường sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng Bộ trưởng đối với công tác miền núi và dân tộc;*

*Căn cứ quyết định của Hội đồng Bộ trưởng số 72-HDBT ngày 13-3-1990 về chủ trương, chính sách cụ thể phát triển kinh tế - xã hội miền núi.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. — Nay thành lập Văn phòng miền núi và dân tộc để giúp Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo công tác miền núi và dân tộc.

Văn phòng miền núi và dân tộc đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 2. — Văn phòng miền núi và dân tộc có nhiệm vụ:

1. Theo dõi đôn đốc, kiểm tra các ngành, các cấp trong việc thực hiện các quyết định của Đảng và Nhà nước về những chủ trương, chính sách đối với miền núi và dân tộc.

2. Phối hợp với các Ban của Đảng các Bộ, ngành nghiên cứu hoặc chủ trì nghiên

cứu đề xuất các chủ trương, chính sách, luật pháp về miền núi và dân tộc, đề Hội đồng Bộ trưởng xem xét quyết định hoặc trình Hội đồng Nhà nước quyết định.

3. Tham gia với các Bộ, ngành, địa phương về việc quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sắp xếp cán bộ chủ chốt là người dân tộc làm công tác chính quyền.

4. Thực hiện quan hệ với nước ngoài về vấn đề dân tộc.

Điều 3. — Văn phòng miền núi và dân tộc có quyền hạn sau:

1. Yêu cầu các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cung cấp những thông tin cần thiết về miền núi và dân tộc.

2. Mời các Bộ, Ủy ban Nhà nước các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để bàn những vấn đề về miền núi và dân tộc.

3. Kiểm tra các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách đối với miền núi và dân tộc; kiến nghị với cơ quan được kiểm tra thi hành các biện pháp cần thiết hoặc sửa chữa những việc làm sai trái (nếu có) nhằm bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh các chủ trương chính sách, đối với miền núi và dân tộc.

Điều 4. — Văn phòng miền núi và dân tộc do đồng chí Bộ trưởng chuyên trách công tác miền núi và dân tộc trực tiếp làm Chủ nhiệm. Văn phòng có 1 — 2 Phó Chủ nhiệm, bộ máy làm việc gồm có một số tổ chuyên viên, được sử dụng con dấu và có ngân sách riêng. Trụ sở của Văn phòng miền núi và dân tộc đặt tại 80 Phan Đình Phùng, Hà Nội (trụ sở Ủy ban Dân tộc của Chính phủ trước đây).

Điều 5. — Đồng chí Chủ nhiệm Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, đồng chí Bộ